

BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất
(từ ngày 31/5/2025 đến 6/6/2025)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU 2025

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2025: 31.059,6 ha/ 28.018,3 ha (KH vụ Hè Thu)/68.867 ha/ năm (kế hoạch SXKD) ha đạt 110,8% so với KH và đạt 45,1% so với kế hoạch năm.

1. Khu vực Củ Chi: 17.111,7 ha; cụ thể:

– Lúa: 5.298,0 ha (Trung Lập Thượng: 1.075,7 ha, Trung Lập Hạ: 563,3 ha, Thái Mỹ: 448,8 ha, Phước Thạnh: 502,3 ha, Phước Hiệp: 192,6 ha, An Nhơn Tây: 204,1 ha, Nhuận Đức: 298,3 ha; Phú Mỹ Hưng: 60,1 ha; Phước Vĩnh An: 51,3 ha, Tân An Hội: 352,2 ha; Tân Thông Hội: 61,3 ha, Tân Phú Trung: 686,4 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 19,2ha, Thai Thai – Bến Súc: 11,9 ha, Tân Thạnh Đông: 627,1 ha, Cây Xanh-Bà Bép: 38,6 ha; Bắc rạch Tra: 29,4 ha, Láng The – Sông Lu: 75,4);

– Rau màu: 867,3 ha;

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 2.706,2 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 250,5 ha

– Tiêu thoát nước nông nghiệp: 4.105,3 ha;

– Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị, trừ vùng nội thị: 3.884,4 ha.

✓ Hiện nay khu vực đã thu hoạch 1.057,9 ha , cụ thể:

– Lúa : 202,2ha (Trung Lập Thượng: 17,0 ha, Trung Lập Hạ: 40 ha, Phước Thạnh: 135,2 ha, Phước Hiệp: 9,5 ha, Tân An Hội: 0,5 ha);

– Rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 855,7 ha.

2. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: 6.980,6 ha:

– Lúa: 780,6 ha (Tân Thới Nhì: 174,4 ha, Xuân Thới Sơn: 84,6 ha; Xuân Thới Thượng: 87,9 ha; Tân Kiên: 73,6 ha; Tân Nhựt: 152,7 ha; Lê Minh Xuân: 127,0 ha; Vĩnh Lộc B: 12,3 ha, Tân Tạo A: 68,1 ha);

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 1.522,7 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 54,8 ha.

– Rau màu, cây CN ngắn ngày: 153,7 ha.

– Tiêu thoát nước đất nông nghiệp: 1.974,5 ha;

– Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: 2.494,3 ha.

3. Khu vực Nam rạch Tra: 3.733,4 ha, cụ thể:

– Lúa: 12,4 ha;

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 274,0 ha;

– Rau màu, cây CN ngắn ngày: 332,0 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 23,9 ha;

– Tiêu thoát nước: 3.091,1 ha.

4. Khu vực Thủ Đức: Tiêu thoát nước 3.233,9 ha.

II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 31/05/2025 đến ngày 06/06/2025: 8.602.532 m³, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
31/05/2025	13,56	13,32	0,9	9,17	792.355	3,53	305.199
01/06/2025	13,75	13,40	0,9	11,07	956.859	4,02	347.192
02/06/2025	13,70	13,40	0,9	10,25	885.879	3,63	314.047
03/06/2025	13,73	13,40	0,9	10,75	929.118	3,63	314.047
04/06/2025	13,76	13,43	0,9	10,75	929.118	3,93	339.209
05/06/2025	13,80	13,45	0,9	11,07	956.859	3,83	331.034
06/06/2025	13,70	13,38	0,9	10,59	914.932	3,32	286.684
Tổng cộng					6.365.120		2.237.412

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 31/05/2024 đến 06/06/2025 là **214,97** triệu m³, bằng 95,075% so cùng kỳ và bằng 57,175% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 158,45 triệu m³, K0 – N25: 56,52 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông: Độ đục dao động từ (9,99 ÷ 13,7) NTU và PH dao động từ (6,92÷ 7,03).

3.Mức nước Hồ Dầu Tiếng: Dao động từ (20,12÷ 20,37) m.

Ngày	Mức nước năm 2025 (m)	Mức nước năm 2024 (m)
06/06/2025	20,12	19,33
05/06/2025	20,21	19,34
04/06/2025	20,30	19,36
03/06/2025	20,36	19,39
02/06/2025	20,36	19,39
01/06/2025	20,35	19,39
31/05/2025	20,37	19,38

4.Lượng mưa đo được tại các trạm:

STT	Trạm	Mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2025 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	39	379
2	N25-2	14	409
3	N31A (K0)	13	449
4	Trung An	4	4
5	N25		291
6	Bắc Rạch Tra		
7	K9-N46	69	677
8	An Phú	7	392

9	Thai Thai - Bến Súc	2	343
10	Xí nghiệp HM-BC	35	578
11	Cụm T10	41	645
12	Cụm kênh C	19	426
13	Gò Dưa	159	599
14	Ba Thôn	28	569
15	Ông Đụng	35	564

5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– **Mực nước Max trong tuần:**

- + Cổng Gò Dưa : + 1,18 m
- + Cổng Ba Thôn : + 1,14 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra) : + 0,95 m
- + Cổng kênh C : + 1,18 m
- + Cổng An Hạ : + 0,98 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2025) Ngày 04/06/2025	
		PS	PD	PS	PD
1	Cổng Tân Kiên	6,92	6,95	Do độ mặn dưới 2,0‰ nên không quan trắc	
2	Cổng kênh C	6,83	6,75		
3	Cổng kênh B	6,50	6,43		
4	Cổng kênh A	6,21	6,60		
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,70			
6	Cổng cuối kênh Ranh	6,46			
7	Cổng An Hạ	6,82			
8	Cổng T10	6,49			

III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

– Công trình an toàn; Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;

– Khu vực 5 cổng ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;

– Tình hình vận hành cổng Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.